

# LUYỆN NGHE BÀI 4

**四** 辨韵母，画出你听到的韵母及声调 Underline the finals and their tones you hear. .... 5'28"

- |                            |                          |                              |                    |
|----------------------------|--------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1. g {<br>uā<br>uān        | 2. h {<br>àn<br>uàn      | 3. h {<br>uī<br>ēi           | 4. z {<br>ǒu<br>uǒ |
| 5. h {<br>uàn<br>uài<br>àn | 6. d {<br>uī<br>iū<br>ūn | 7. g {<br>āng<br>uāng<br>uān | 8. s {<br>ūn<br>ēn |

**二** 辨声调，在你听到的声调空格处画圈 Draw a circle below the tone you hear. .... 11'50"

	-	/	∨	\		-	/	∨	\
1. can					11. zui				
2. cai					12. zang				
3. zen					13. cong				
4. suo					14. song				
5. zuo					15. can				
6. sui					16. san				
7. zao					17. zou				
8. cuo					18. sai				
9. suan					19. cao				
10. ceng					20. zan				

**三** 听后标出声调 Mark the tones of the following syllables. .... 14'12"

- |           |          |        |
|-----------|----------|--------|
| 1. duo    | tui      | tuo    |
| luan      | hua      | sui    |
| 2. canjia | duanlian | xiguan |
| huihua    | nuanhuo  | kuaizi |